

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 02/2022/HC-GĐT

Ngày 13/01/2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Minh Thủy.

Các Thẩm phán: - Ông Trần Hồng Hà;

- Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Nguyễn Biên Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa xét xử giám đốc thẩm xét xử vụ án “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959;

Cư trú tại: Số 41 Lê Thành P, phường VT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Lê Văn T; cư trú tại: Số 102 Nguyễn T, phường PT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (theo Văn bản ủy quyền lập ngày 01/11/2017 tại Văn phòng công chứng HL).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ: Khu Liên cơ hành chính Ủy ban nhân dân thành phố CR, đường Phạm Văn Đ, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố CR: Ông Nguyễn Ngọc S, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố CR (Theo Văn bản ủy quyền số 4054/GUQ-UBND ngày 18/10/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ: Tổ dân phố LT, phường CL, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

3.2. Ông Lê Tấn T1;

3.3. Bà Lê Thị B;

Cùng cư trú tại: Xóm C, phường CL, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

3.4. Anh Võ Đình T2; cư trú tại: Số 41, Lê Thành P, phường VT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

3.5. Chị Võ Thị Minh T3; cư trú tại: Số 212A/42 Nguyễn T, phường Nguyễn CT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Anh Võ Đình T4; cư trú tại: Số 18, đường số 02, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Nguồn gốc nhà đất tại địa chỉ Khóm 7, đường Nguyễn Trọng K, phường CL (nay là tổ dân phố XC, phường CL, thành phố CR) diện tích 967 m² là của cụ Nguyễn Thị C sử dụng từ năm 1972. Ngày 07/3/1993, ông Đỗ Đình T5 (là chồng bà M) nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Thị C một lô đất nhà và hoa màu có diện tích 967 m² với giá 44 chỉ vàng bằng giấy viết tay. Sau khi mua nhà đất, ông T5 đã rào xung quanh thửa đất, trồng dừa và sinh sống tại nhà tạm. Tháng 5/1993, ông T5 chết, bà sống ở NT nhưng vẫn trực tiếp đi về quản lý và đóng thuế nhà đất vào năm 1998. Năm 2000, Ủy ban nhân dân phường CL tự ý san lấp mặt bằng khi chưa thu hồi đất của gia đình bà, không đền bù theo quy định, cho rằng đất do cụ C lấn chiếm và chuyển nhượng trái pháp luật cho ông T5, bà đã khiếu nại nhiều lần, đến ngày 23/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố CR tổ chức đối thoại thì bà mới biết Quyết định số 183/QĐ-UB-GQKN ngày 27/11/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường CL với nội dung bác khiếu nại của bà.

Ngày 05/5/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố CR ban hành Văn bản số 1464/UBND-NC trả lời đơn khiếu nại của bà M, có nội dung: đơn khiếu nại của bà M không có cơ sở xem xét giải quyết vì nhà đất nêu trên là đất công thuộc Ủy ban nhân dân phường CL quản lý.

Ngày 16/6/2017 và ngày 07/8/2017, bà M có đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 1464/UBND-NC ngày 05/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố CR, vì cho rằng căn cứ Điều 5, điểm d khoản 6 Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ thì nhà đất của bà đã nhận chuyển nhượng trước ngày 15/10/1993 là đủ điều kiện được đền bù theo quy định.

* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố CR trình bày:

Ngày 10/11/2016, bà M có đơn khiếu nại với nội dung: năm 1993, bà M

có mua một lô đất của cụ C diện tích 967 m², bà M kê khai đóng thuế nông nghiệp từ năm 1993 đến năm 1998, sau đó dừng đóng thuế vì địa phương không cho lập bộ để tiếp tục đóng thuế; bà M khiếu nại từ đó đến nay nhưng không được giải quyết và cho rằng Ủy ban nhân dân phường CL đồ đất và lấy đất của gia đình bà sử dụng. Tuy nhiên, nội dung khiếu nại của bà M đã được xem xét giải quyết tại Quyết định số 183/QĐ-UB-GQKN ngày 27/11/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường CL.

Về nguồn gốc đất: trước năm 1975, khu vực này là vùng tiếp giáp khu đất quân sự đặc khu CR, hướng Tây Nam; lô đất giáp vùng vịnh CR nhằm phục vụ cho vành đai kiểm soát quân sự và kho đạn phục vụ cho đặc khu CR. Sau năm 1975, Ủy ban nhân dân Cách mạng Lâm thời phường CL, Ủy ban nhân dân thị trấn BN (cũ), Ủy ban nhân dân phường CL qua các thời kỳ tiếp tục quản lý theo diện đất công quản từ đó đến nay. Năm 2002, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CR giao khuôn viên đất cho Ủy ban nhân dân phường CL sử dụng làm trụ sở Khóm 4 và câu lạc bộ người cao tuổi (Tờ trình số 33/TT.UB ngày 13/02/2002 của Ủy ban nhân dân phường CL). Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường CL thì từ năm 1993 đến nay, bà M không cư trú và sinh sống tại Khóm 4, thị trấn BN (nay là tổ dân phố XC, phường CR); diện tích trên do Ủy ban nhân dân phường CL quản lý, việc mua bán bằng giấy viết tay là trái pháp luật....; quá trình giải quyết khiếu nại của bà M, Ủy ban nhân dân phường CL thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục; nội dung có căn cứ, đúng pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường CL trình bày:

Phần diện tích đất liên quan đến bà M thuộc một phần thửa đất số 01, diện tích 10.060 m², Tờ bản đồ số 10 (đo bao theo Bản đồ 299/TTg năm 1985) loại đất ký hiệu T, tên chủ sử dụng là Công ty lương thực. Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất xác lập năm 2000 thì phần diện tích đất liên quan đến khiếu nại của bà M thuộc thửa đất số 69, diện tích 985,6 m² loại đất ký hiệu Hb, Tờ bản đồ số 14, số hiệu mảnh Bản đồ gốc 319-515-7(3) không thể hiện tên chủ sử dụng. Trước năm 1975, khu vực này tiếp giáp với khu đất quân sự đặc khu CR, hướng Tây Nam giáp vùng vịnh CR nhằm phục vụ cho vành đai kiểm soát quân sự và kho đạn phục vụ đặc khu CR. Sau năm 1975, Ủy ban Cách mạng lâm thời phường CL, Ủy ban nhân dân thị trấn BN (cũ), Ủy ban nhân dân phường CL qua các thời kỳ tiếp tục quản lý theo diện đất công quản. Đồng thời theo Tờ trình số 33/TT.UB ngày 13/02/2002 của Ủy ban nhân dân phường CL (nay là Ủy ban nhân dân thành phố CR) tạm thời giao khuôn viên khu đất cho Ủy ban nhân dân phường CL sử dụng làm trụ sở Khóm 4, công viên và câu lạc bộ người cao tuổi. Sau khi tiếp nhận, Ủy ban nhân dân phường CL đã dọn dẹp chặt cây tiến hành làm mặt bằng trồng cây công viên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn T1 trình bày: Cụ Nguyễn Thị C là mẹ, bà Lê Thị B là chị của ông, cụ C chết năm 2005. Lô đất

trên do cụ C khai phá sau ngày 30/4/1975 và sử dụng liên tục, cụ C đã chuyển nhượng đất cho ai thì ông không nhớ rõ. Lô đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không có quyền gì với lô đất này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B trình bày: Bà là con cụ C và là chị của ông T1, cụ C khai hoang lô đất trên để trồng rau (không nhớ năm) và sử dụng liên tục cho đến khi bị bệnh nên chuyển nhượng cho bà M. Diện tích này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi mua bán, trên đất có 01 chòi tôn vách ván; việc chuyển nhượng lập giấy viết tay, bà có ký tên làm nhân chứng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Đình T2, Võ Đình T4 và chị Võ Thị Minh T3 trình bày: Các anh, chị là con của ông Võ Đình T5 và bà Nguyễn Thị M. Năm 1993, cha, mẹ các anh, chị có mua nhà và đất diện tích 967 m² của cụ Nguyễn Thị C, cha, mẹ các anh, chị đã quản lý sử dụng và sinh sống tại thửa đất này từ năm 1993 đến năm 1998, có kê khai đóng thuế theo quy định. Do cha qua đời nên mẹ con về NT sinh sống, nhà đất này gia đình vẫn thường xuyên thăm nom, chăm sóc. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường CR ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung bác toàn bộ khiếu nại của gia đình là không đúng. Các anh, chị thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 15/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: *Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu hủy Văn bản số 1464/UBND-NC ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố CR về việc trả lời đơn khiếu nại của bà M.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/11/2018, ông Lê Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 187/2019/HC-PT ngày 18/10/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn T đại diện cho bà Nguyễn Thị M, sửa Bản án sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa...

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu hủy Văn bản số 1464/UBND-NC ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố CR về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị M.

Tuyên hủy Văn bản số 1464/UBND-NC ngày 05/5/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố CR về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị M và Quyết định giải quyết khiếu nại số 183/QĐ.UB-GQKN ngày 27/11/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường CL, thị xã CR, tỉnh Khánh Hòa. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa phải ban hành Quyết định giải quyết khiếu

nại cho bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 16/10/2020, Ủy ban nhân dân thành phố CR có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 50/2021/KN-HC ngày 06/10/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 187/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 187/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án tòa án nhân dân tối cao; hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 187/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất bà Nguyễn Thị M khiếu nại và khởi kiện được xác định thuộc thửa đất số 78, Tờ bản đồ số 16 có diện tích 964,5 m² (theo sơ đồ vị trí đất ngày 03/10/2019 về việc xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng) tại xóm C, đường Nguyễn Trọng K, phường CL, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa; là một phần thửa đất số 01, Tờ bản đồ số 10 (đo theo bản đồ 299/TTg năm 1985) có diện tích 10.060 m², loại đất (T). Trước năm 1975, khu vực này là vùng tiếp giáp khu đất quân sự Đặc khu CR phục vụ cho vành đai kiểm soát quân sự và kho đạn phục vụ Đặc khu CR. Sau năm 1975, đất này do Ủy ban Cách mạng lâm thời phường CL, Ủy ban nhân dân thị trấn BN (cũ), Ủy ban nhân dân phường CL qua các thời kỳ tiếp quản, sau đó giao cho do Phòng Lương thực CR (sau này là Công ty Lương thực CR) quản lý. Quá trình sử dụng, Công ty Lương thực CR (được thành lập tháng 01/1984) đã thực hiện kê khai trong Sổ mục kê ruộng đất lập ngày 30/9/1985, thể hiện tại thửa đất số 01, Tờ Bản đồ số 10 (đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg) diện tích 10.060 m².

[2] Năm 1998, Công ty Lương thực CR giải thể theo Quyết định số 3526/1998/QĐ-UB ngày 04/12/1998. Ngày 24/11/1999, Ủy ban nhân dân huyện CR ban hành Quyết định số 910/UB gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc xin tiếp nhận cơ sở, nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty Lương thực CR. Ngày 13/3/2002, Ủy ban nhân dân phường CL có Tờ trình số 33/TT.UB về việc “Xin Công ty Lương thực CR và Phòng thủy sản cũ để mở rộng công viên và làm Câu lạc bộ người cao tuổi”. Ngày 20/3/2002, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CR đã lập biên bản bàn giao đất và tài sản của Công ty Lương thực CR cho Ủy ban nhân dân phường CL quản lý. Theo

Công văn số 1582/UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường CL, thì sau khi tiếp nhận, Ủy ban nhân dân phường CL đã tổ chức triển khai dọn rác, chặt cây, tiến hành làm mặt bằng trồng cây làm công viên, nên Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đều thể hiện hiện trạng có các cây xanh (cây cau, cây sứ, cây măng cầu), trên đất có tháp đá cao 5 m, ngoài ra có cây đại và cỏ mọc um tùm. Như vậy, thửa đất bà M khiếu nại và khởi kiện là đất do Nhà nước quản lý theo diện đất công quản từ năm 1975 đến nay và được quy hoạch làm công viên cây xanh do Ủy ban nhân dân phường CL quản lý, sử dụng.

[3] Bà M cung cấp “*Giấy bán nhà và đất*” ngày 07/3/1993 giữa bà Nguyễn Thị C và các con bà C là anh Lê Tấn T1 chị Lê Thị B với ông Võ Đình T5 (là chồng bà M); Đơn xin xác nhận về việc có đóng thuế đất nông nghiệp, có xác nhận của Đội thuế liên phường CL và CL1 ngày 25/6/2001 về việc nộp thuế để chứng minh nguồn gốc và việc sử dụng đất của bà M. Tuy nhiên, “*Giấy bán nhà và đất*” này là giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay, gia đình bà M không sử dụng đất và trên đất cũng không có nhà. Tại Biên bản làm việc ngày 22/4/2014 của Thanh tra thành phố CR, bà Phạm Thị Tuyết L (là người được bà M ủy quyền) trình bày: “*Từ lúc nhận chuyển nhượng đến trước khi Ủy ban nhân dân phường CL thu hồi đất của gia đình, gia đình bà M có rào hàng rào dây thép xung quanh khu đất để giữ đất, đất để trống*”. Đồng thời, tại Biên bản đối thoại ngày 23/3/2017 giữa bà M với Ủy ban nhân dân thành phố CR, bà M trình bày: “*Ngày 01/5/1993, ông T5 đột ngột qua đời, tính từ lúc nhận sang nhượng đất của bà C đến khi ông T5 chết (gần 02 tháng). Do lo hậu sự cho chồng và con còn nhỏ nên bà M không thường xuyên vào trông nom lô đất*”. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân phường CL cũng xác nhận từ năm 1993 đến nay, bà M không cư trú và sinh sống tại Khóm 4, thị trấn BN (nay là tổ dân phố XC, phường CL).

[4] Về việc nộp thuế của bà M: Tại Văn bản số 1056/CCT-KKKTT ngày 23/3/2017, Chi cục thuế thành phố CR xác nhận: Lô đất của bà M không có tờ khai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp cũng như không thể hiện sổ bộ thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 1997 trở về trước. Năm 1998, bà M có đến kê khai nộp thuế, Đội thuế xử lý truy thu thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 1998 trở về trước để lập bộ thuế năm 1999, nhưng không được Ủy ban nhân dân thị trấn BN (cũ) cho phép lập bộ, nên không lập bộ từ đó đến nay. Như vậy, việc Đội thuế liên phường CL và CL1 đã truy thu thuế của bà M từ năm 1998 trở về trước và xác nhận có đăng ký kê khai, nộp thuế đến năm 1998 là không đúng vì thời điểm đó Công ty Lương thực CR đang là người sử dụng đất, chưa bị giải thể.

[5] Do diện tích đất bà M khiếu nại thuộc đất công do Nhà nước quản lý, được quy hoạch làm công viên; bà M không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, chỉ có “*Giấy bán nhà và đất*” nêu trên nhưng không có xác nhận của

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; không cư trú, sử dụng đất. Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 22/1998/QĐ-TTg ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; phần d Mục 1 Thông tư số 145/1998/BTC ngày 01/1/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 22/1998/QĐ-TTg ngày 24/4/1998 của Chính phủ; nay là khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường CL ban hành Quyết định số 183/QĐ.UB-GQKN ngày 27/11/2001 và Ủy ban nhân dân thành phố CR ban hành Văn bản số 1464/UBND-NC ngày 05/5/2017 trả lời khiếu nại của bà M là không có cơ sở xem xét giải quyết là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng thửa đất nêu trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng ông T5, bà M thông qua việc mua của tư nhân và nộp thuế cho Nhà nước; lẽ ra khi thực hiện việc quy hoạch đất để làm công viên thì Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) CR phải tiến hành các thủ tục thu hồi đất và bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 6 Nghị định số 22/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ (thuộc trường hợp “*có giấy tờ mua bán nhà và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993*”)... để quyết định sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà M là không đúng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 266, Điều 271, khoản 2 Điều 272 và Điều 273 Luật Tổ tụng hành chính.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 50/2021/KN-HC ngày 06/10/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 187/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 187/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2018/HC-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10 - để biết);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TP, VT, Vụ GDKTIII (2b),
- Vụ PC&QLKH, HSYA, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Minh Thủy

